

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng 12 năm 2023

### NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 13

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 6061/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 132/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình

Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: LĐ-TBXH, KHĐT, TC, NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- TTCB, Báo, Đài PTTH, Website tỉnh Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, web;
- Lưu: VT, L (4).

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Lộc**

## QUY ĐỊNH

Về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung, định mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ nghèo (ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ có thành viên là người có công với cách mạng, trẻ em, người khuyết tật); hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh (ưu tiên người lao động là phụ nữ thuộc hộ nghèo); người khuyết tật không có sinh kế ổn định.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án mô hình giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

### Điều 2. Nội dung, định mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

#### 1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chuồng trại, cung ứng dịch vụ, hàng hóa, phương tiện, vật tư, công cụ, máy móc, dụng cụ, thiết bị, nhà xưởng sản xuất.

b) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

c) Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

## 2. Định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết với số tiền tối đa 500.000.000 đồng. Trong đó:

- Đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2, hỗ trợ tối thiểu 85% trên tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết.

- Đối với các nội dung quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 2, hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa 15% trên tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết.

b) Mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

- Hộ nghèo: tối đa 20.000.000 đồng/hộ.

- Hộ cận nghèo: tối đa 15.000.000 đồng/hộ.

- Hộ mới thoát nghèo: tối đa 10.000.000 đồng/hộ.

- Người khuyết tật không có sinh kế ổn định: tối đa 15.000.000 đồng/người.

## **Điều 3. Nội dung, định mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

### 1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chuồng trại, cung ứng dịch vụ, hàng hóa, phương tiện, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, dụng cụ, thiết bị, nhà xưởng sản xuất.

b) Tập huấn nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm, hướng dẫn kỹ thuật cho thành viên tổ nhóm.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

d) Hỗ trợ chi phí xây dựng, quản lý dự án.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đi đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án.

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

### 2. Định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 60% tổng kinh phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết với số tiền tối đa 500.000.000 đồng. Trong đó:

- Đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3, hỗ trợ tối thiểu 85% tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện một dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.

- Đối với các nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 3, hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa 15% tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện một dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.

b) Mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ của cộng đồng

- Hộ nghèo: tối đa 20.000.000 đồng/hộ.
- Hộ cận nghèo: tối đa 15.000.000 đồng/hộ
- Hộ mới thoát nghèo: tối đa 10.000.000 đồng/hộ.
- Người khuyết tật không có sinh kế ổn định: tối đa 15.000.000 đồng/người.

#### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện (đối với các địa phương tự cân đối ngân sách) thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025./.